

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 7 - 2020.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Thảo.

2. Bà Cao Thị Diệu Hiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thanh Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kim L (L) - sinh năm: 1979.

Địa chỉ: số 589/1, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Thanh T - sinh năm: 1980.

Địa chỉ: số 589/1, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị Lê Thị Kim L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh T tự tìm hiểu và quen biết nhau vào năm 2001, sau đó tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 27/12/2001. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 - 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi và đánh nhau; nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T thường hay ăn nhậu với bạn bè, không lo làm ăn và có tính hay ghen tuông; cuộc sống bên gia đình chồng không được êm ấm, thường xảy ra mâu thuẫn với mẹ chồng, ba chồng thì khuyên anh T bỏ chị L để lấy vợ khác. Từ đầu tháng 02/2020, chị L bỏ về nhà mẹ ruột sống; vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay.

Từ khi ly thân đến nay, anh T không tới lui thăm chị L; vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau và cũng không có sự quan tâm lẫn nhau. Nay chị L nhận thấy tình cảm không còn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Do đó, chị L yêu cầu ly hôn anh T.

Tại phiên tòa, chị L xác định không còn tình cảm với anh T, cuộc sống hôn nhân với anh T không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L yêu cầu được ly hôn anh T.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Đặng Hữu N - sinh ngày: 27/9/2002 (*hiện đang sống với anh T*) và Đặng Thị Thùy D - sinh ngày: 08/6/2005 (*hiện đang sống với chị L*). Khi ly hôn, chị L có yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Đặng Thị Thùy D - sinh ngày: 08/6/2005, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Chị L đồng ý giao con chung tên Đặng Hữu N - sinh ngày: 27/9/2002 cho anh T nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về chia tài sản chung: Chị L và anh T tự thỏa thuận. Chị L xác định là không có tranh chấp về chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là anh Đặng Thanh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian chung sống, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh T cho rằng vào năm 2004 - 2005, anh T phát hiện chị L có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, thường hay nói chuyện qua điện thoại, anh T có hỏi thì chị L không trả lời nên anh bỏ qua. Đến năm 2018, anh T lại tiếp tục phát hiện chị L tiếp tục có tình cảm với người khác. Về việc chị L mâu thuẫn với mẹ chồng; anh T thừa nhận là mẹ anh và chị L có lời qua tiếng lại với nhau do chị L về nhà chỉ

phụ tiếp gia đình các việc lặt vặt, không quan tâm chăm sóc cho gia đình chồng. Từ tháng 02 năm 2020 chị L bỏ về nhà mẹ ruột sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không có gì nghiêm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh T muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ sống chung với nhau để chăm lo cho các con. Anh T không đồng ý ly hôn chị L.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Đặng Hữu N - sinh ngày: 27/9/2002 (*hiện đang sống với anh T*) và Đặng Thị Thùy D - sinh ngày: 08/6/2005 (*hiện đang sống với chị L*). Trường hợp ly hôn, anh T có yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Đặng Hữu N - sinh ngày: 27/9/2002, anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Anh T đồng ý giao con chung tên Đặng Thị Thùy D - sinh ngày: 08/6/2005 cho chị L nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về chia tài sản chung: Anh T và chị L tự thỏa thuận. Anh T xác định là không có tranh chấp về chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, con của chị L và anh T là cháu Đặng Hữu N trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn thì cháu N có nguyện vọng được sống chung với ba là anh Đặng Thanh T.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, con của chị L và anh T là cháu Đặng Thị Thùy D trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn thì cháu D có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Lê Thị Kim L.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt: Theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Kim L.

- Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của chị L và anh T về việc nuôi con chung sau ly hôn cụ thể như sau: Chị L được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Đặng Thị Thùy D - sinh ngày: 08/6/2005 (*hiện đang sống với chị L*); anh T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Đặng Hữu N - sinh ngày: 27/9/2002 (*hiện đang sống với anh T*). Chị L, anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do các bên đương sự đều xác định là không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Lê Thị Kim L khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Đặng Thanh T là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Tại phiên tòa: Bị đơn là anh Đặng Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trường hợp vắng mặt của bị đơn không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Do đó, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị L và anh T chung sống vợ chồng từ năm 2001, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2001 tại UBND xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa chị L và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị L và mẹ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, anh T thường hay ghen tuông không tin tưởng chị L dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, xô xát. Từ đầu tháng 02/2020, chị L bỏ về nhà mẹ ruột sống; vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay.

Tại phiên tòa, chị L xác định không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh T không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; chị L không thể tiếp tục chung sống với anh T; trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị L cũng không trở về sống chung với anh T. Chị L thiết tha yêu cầu xin được ly hôn anh T.

Về phía anh T: Không đồng ý ly hôn chị L, anh T cho rằng vẫn còn tình cảm với chị L, mâu thuẫn vợ chồng không có gì nghiêm trọng, anh T muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ sống chung với nhau để cùng chăm lo cho các con. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng thường xuyên gây gổ, cự cãi và

xô xát lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không có hạnh phúc; anh T cũng thừa nhận là thường hay ghen tuông, nghi ngờ chị L có quan hệ tình cảm với người khác bên ngoài, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Giữa chị L và anh T cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu chị L và anh T đoàn tụ tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay, chị L xác định là không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh T không có hạnh phúc, chị L không còn quan tâm, thương yêu, lo lắng cho anh T, chị L cương quyết xin được ly hôn anh T; trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị L cũng không trở về sống chung với anh T.

Về phía anh T cũng thừa nhận và xác định là tuy còn thương vợ nhưng trong quá trình chung sống, anh T không có sự tin tưởng chị L; vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều xung đột, xô xát lẫn nhau, bất đồng về quan điểm sống làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng bị tổn thương, rạn nứt, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và kéo dài; anh T cũng không có biện pháp gì để nếu kéo, hàn gắn tình cảm với chị L. Đồng thời, từ khi chị L bỏ về nhà mẹ ruột sống cho đến nay, anh T cũng không tìm gặp chị L để tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, xét thấy việc chị L yêu cầu xin được ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung:

Khi ly hôn, chị L có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Đặng Thị Thùy D - sinh ngày: 08/6/2005 (*hiện đang sống với chị L*). Chị L đồng ý giao con chung tên Đặng Hữu N - sinh ngày: 27/9/2002 cho anh T được quyền nuôi dưỡng con chung sau ly hôn.

Anh T có yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Đặng Hữu N - sinh ngày: 27/9/2002 (*hiện đang sống với anh T*). Anh T đồng ý giao con chung tên Đặng Thị Thùy D - sinh ngày: 08/6/2005 cho chị L được quyền nuôi dưỡng con chung sau ly hôn.

Xét thấy: Về mặt kinh tế của chị L và anh T không thể cùng lúc nuôi dạy cả 02 cháu; Cháu N hiện đang có cuộc sống ổn định với anh T và có nguyện vọng được sống chung với anh T, cháu D đang có cuộc sống ổn định với chị L và có nguyện vọng được sống chung với chị L; cả hai cháu đều được những người thân trong gia đình của chị L và anh T quan tâm, giúp đỡ, tạo mọi điều kiện thuận lợi

trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và dành nhiều tình thương cho 02 cháu, hiện cả 02 cháu đều có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Hơn nữa, cháu D là con gái sống chung với mẹ sẽ dễ chăm sóc và hiểu được tâm lý của con hơn cha. Vì vậy, để đảm bảo cho 02 cháu có cuộc sống ổn định và phát triển tốt về tâm sinh lý; Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu D cho chị L, cháu N cho anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của 02 cháu trong sinh hoạt, học tập. Chị L, anh T được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

- Về chia tài sản chung: Do các bên đương sự, chị L và anh T cùng xác định là tự thỏa thuận, chị L và anh T không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L và anh T cùng xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Kim L (Liều). Cho chị Lê Thị Kim L (L) ly hôn anh Đặng Thanh T.

2. Về nuôi con chung:

- Chị Lê Thị Kim L (L) được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Đặng Thị Thùy D - sinh ngày: 08/6/2005 (*hiện đang sống với chị L*). Chị L (L) không yêu cầu anh Đặng Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Anh Đặng Thanh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Đặng Hữu N - sinh ngày: 27/9/2002 (*hiện đang sống với anh T*). Anh T không yêu cầu chị Lê Thị Kim L (L) cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Chị Lê Thị Kim L (L), anh Đặng Thanh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Kim L (L) nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị L (L) đã nộp ngày 13/02/2020 theo biên lai thu số 0004477 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đặng Thanh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố S;
- Chi cục THADS TP. S;
- **UBND xã T, TP S, ĐT;**
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

Trần Quốc Danh